

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN THỊ ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/QĐ-NTĐ

Quận 7, ngày 07 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý và sử dụng dữ liệu
ngành Giáo dục và Đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Căn cứ Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Điều lệ Trường tiểu học”;

Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Quyết định 1270/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Kế hoạch triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 956/QĐ-SGDĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thay thế Quyết định số 271/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2023;

Căn cứ Công văn 5665/SGDĐT-VP ngày 09 tháng 09 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc Triển khai thực hiện Quy chế thu thập, quản lý, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn 2217/GDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về nghiêm túc thực hiện thu thập, quản lý và sử dụng dữ liệu trong ngành Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 267/KH-NTĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 của trường Tiểu học Nguyễn Thị Định về thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2024 – 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quy chế được bổ sung, sửa đổi khi có vấn đề mới phát sinh hoặc không còn phù hợp.

Điều 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



Nguyễn Thị Kim Phượng

QUY CHẾ

Về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý và sử dụng dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 07/QĐ-NTĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về: quy trình và phương thức thu thập, quản lý dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Thành phố Hồ Chí Minh; quy trình và phương thức chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin với cơ sở dữ liệu (CSDL) Ngành GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quy chế này không áp dụng đối với các thông tin, dữ liệu số thuộc phạm vi bí mật nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dữ liệu số: là dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số. Dữ liệu số mang thông tin số và được chia sẻ dưới dạng thông điệp dữ liệu.

2. Dữ liệu gốc: là nhóm dữ liệu cơ bản liên quan đến các đối tượng duy nhất, có tính ổn định theo thời gian, được lưu trữ tập trung và chia sẻ cho nhiều hệ thống. (bao gồm các dữ liệu được quy định theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III của Quyết định 1230/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Dữ liệu chuyên ngành: là nhóm dữ liệu được cập nhật liên tục theo thời gian thực, phục vụ các nghiệp vụ mang tính thường xuyên và chỉ được sử dụng cho 01 hệ thống duy nhất.

4. API (viết tắt của Application Programming Interface - Giao diện lập trình ứng dụng): là phương thức cho phép các ứng dụng khác nhau giao tiếp và trao đổi dữ liệu với nhau.

5. Cổng API (API Gateway): là hệ thống quản lý và kiểm soát việc truy cập và sử dụng các API trong một hệ thống phần mềm hoặc dịch vụ.

6. Thu thập dữ liệu: là quá trình thu thập thông tin trên các hệ thống khác nhau bằng nhiều phương thức (thông qua kết nối API, nhập liệu trực tiếp, khảo sát,...)

7. Quản lý dữ liệu: là quá trình tổ chức, lưu trữ, bảo vệ và sử dụng dữ liệu để đảm bảo tính toàn vẹn, an toàn và sẵn sàng sử dụng của dữ liệu.

8. Chia sẻ dữ liệu: là quá trình cung cấp các trường dữ liệu cho các hệ thống phần mềm khác nhau nhằm thực hiện công việc chuyên ngành.

9. Đồng bộ dữ liệu: là quá trình cập nhật dữ liệu trên các hệ thống khác nhau để đảm bảo dữ liệu trên tất cả hệ thống đều đồng nhất.

8. Tích hợp dữ liệu: là quá trình chia sẻ và đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống độc lập.

11. CSDL ngành GDĐT: là tập hợp các dữ liệu có tổ chức, bao gồm dữ liệu về trường học; dữ liệu về lớp học; dữ liệu về cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên và nhân viên; dữ liệu về người học; dữ liệu về chương trình giáo dục; dữ liệu về cơ sở vật chất trường học và các dữ liệu liên quan khác.

12. Hệ thống CSDL ngành GDĐT: là hệ thống được phát triển để vận hành CSDL ngành GDĐT. Hệ thống được quản lý phân cấp, bao gồm cấp Sở GDĐT, cấp Phòng GDĐT, cấp cơ sở giáo dục. Mô hình tương tác giữa các hệ thống tuân thủ theo Mô hình triển khai Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh (phụ lục IV của Quyết định 1230/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh).

13. Chứng thực số (Token): là một chuỗi ký tự để định danh và cấp quyền cho đối tượng được truy cập vào hệ thống CSDL ngành GDĐT.

14. Hệ thống SSO (viết tắt của Single Sign-On): là hệ thống cho phép người dùng truy cập nhiều ứng dụng và dịch vụ khác nhau chỉ với một tài khoản, một phiên đăng nhập duy nhất. Sau khi khởi tạo phiên đăng nhập, người dùng sẽ được cấp quyền truy cập vào các ứng dụng được liên kết mà không cần phải nhập lại thông tin đăng nhập.

15. Nền tảng tích hợp dữ liệu của ngành GDĐT: là hạ tầng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; bao gồm hạ tầng kỹ thuật, phần cứng, phần mềm và hoạt động nghiệp vụ hỗ trợ đóng vai trò phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin ngành GDĐT với các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu khai thác dữ liệu ngành GDĐT.

16. LGSP (viết tắt của Local Government Service Platform - Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương gọi chung là cấp Tỉnh): được dùng để tích hợp các hệ thống thông tin có quy mô cấp Tỉnh và hệ

thống thông tin cấp quận/huyện, cấp Sở nhằm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ Thành phố và là đầu mối kết nối ra bên ngoài.

17. Mã hóa dữ liệu: là quá trình chuyển đổi dữ liệu từ dạng ban đầu sang dạng phức tạp, chỉ đọc được khi có khóa giải mã hợp lệ.

18. Dữ liệu khởi tạo: là những dữ liệu nhân thân chưa từng tồn tại trên CSDL ngành GDĐT (học sinh ra lớp, học sinh từ tỉnh thành khác hoặc từ nước ngoài chuyển về và chưa có quá trình học tại Thành phố, nhân sự mới chưa từng có quá trình công tác).

Điều 3. Các nguyên tắc chung

1. CSDL ngành GDĐT là tài sản công trên môi trường số do Sở GDĐT quản lý tập trung, được lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu Thành phố (QTSC) và được lưu trữ dự phòng tại các cơ sở hạ tầng khác.

2. Quản trị viên đơn vị sẽ phân quyền quản lý, thu thập và sử dụng dữ liệu trên CSDL ngành cho cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên theo vị trí việc làm và nhiệm vụ được phân công tại đơn vị. Cá nhân được phân quyền chịu trách nhiệm về quản lý, thu thập, sử dụng dữ liệu của đơn vị trên dữ liệu ngành GDĐT thường xuyên, đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”.

3. Việc thu thập dữ liệu phải phù hợp và giới hạn trong phạm vi, mục đích cần xử lý, tuân thủ các quy định của pháp luật.

4. Các hệ thống chuyên ngành được ban hành bằng quy chế vận hành riêng và không được đi ngược lại với các nguyên tắc của quy chế này.

5. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chung về dữ liệu cập nhật của đơn vị trên dữ liệu ngành GDĐT thường xuyên, đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”.

6. Việc khai thác dữ liệu không làm ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của dữ liệu gốc và quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; đảm bảo quyền riêng tư của cá nhân, tổ chức trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Dữ liệu được chia sẻ cho tổ chức, cá nhân phải đảm bảo được sử dụng đúng phạm vi, mục đích và tuân thủ các quy định của pháp luật.

8. Dữ liệu chỉ được chia sẻ, đồng bộ giữa các hệ thống chuyên ngành đảm bảo hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên do các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong ngành GDĐT triển khai; giữa các hệ thống do các đơn vị cung cấp phần mềm phát triển đã được Sở GDĐT thẩm định và có nhu cầu kết nối với CSDL ngành GDĐT.

9. Các tiêu chuẩn dữ liệu, tiêu chuẩn kết nối, cấu trúc dữ liệu, quy định về quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu được công khai trên Cổng thông tin điện tử của ngành GDĐT.

Điều 4. Các hành vi không được làm

1. Cản trở hoạt động, quyền khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
2. Mua bán, trao đổi, chia sẻ dữ liệu trái quy định của pháp luật.
3. Vi phạm các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền bảo vệ thông tin cá nhân khi kết nối, chia sẻ dữ liệu.
4. Làm sai lệch dữ liệu trong quá trình lưu chuyển dữ liệu từ đơn vị cung cấp dữ liệu tới đơn vị khai thác dữ liệu.
5. Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, làm gián đoạn việc đồng bộ và chia sẻ dữ liệu.
6. Nghiêm cấm hành vi phát sinh dữ liệu gốc, thu thập và lưu trữ dữ liệu trùng lặp.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 5. Nội dung của Cơ sở dữ liệu

1. Nội dung của cơ sở dữ liệu về giáo dục phổ thông được quy định theo phụ lục II, phụ lục III của Quyết định 1230/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Thông tin mạng lưới cơ sở giáo dục gồm: Thông tin về cơ sở giáo dục, loại hình giáo dục, các thông tin về điểm trường chính, các điểm trường (nếu có) và các thông tin khác theo quy định.
3. Thông tin hệ thống lớp học gồm: Thông tin cơ bản về danh sách lớp học, lớp ghép, lớp học 2 buổi/ngày, lớp học bán trú, lớp học ngoại ngữ, lớp có học sinh học hòa nhập và các thông tin khác theo quy định.
4. Thông tin đội ngũ gồm: Thông tin cơ bản của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên về thông tin chung, trình độ chuyên môn, quá trình đào tạo và bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, trình độ tin học, ngoại ngữ, đánh giá chuẩn nghề nghiệp, thông tin hoạt động giáo dục cá nhân và các thông tin khác theo quy định.
5. Thông tin người học gồm: Thông tin về hồ sơ lý lịch, quá trình học tập, kết quả học tập, kết quả đánh giá năng lực - phẩm chất, rèn luyện, thông tin y tế cơ bản và các thông tin khác theo quy định.
6. Thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong cơ sở giáo dục phổ thông gồm: Thông tin cơ bản về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các thông tin khác theo quy định.
7. Thông tin tài chính gồm: Thông tin cơ bản về nguồn lực tài chính được cung cấp (nguồn thu), các khoản chi và các thông tin khác theo quy định.

8. Các thông tin khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Chương III

HOẠT ĐỘNG THU THẬP, QUẢN LÝ, ĐỒNG BỘ, CHIA SẺ DỮ LIỆU NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 6. Phương thức thu thập, quản lý dữ liệu Ngành GDĐT

1. Dữ liệu gốc được xác thực với các CSDL dùng chung của các cơ quan quản lý nhà nước và được quản lý tập trung trên Hệ thống CSDL Ngành GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh tại tên miền <https://csdl.hcm.edu.vn>.

2. Toàn bộ dữ liệu phải được kế thừa từ những dữ liệu có sẵn trên hệ thống ngoại trừ những Dữ liệu khởi tạo.

3. Dữ liệu chuyên ngành được thu thập và quản lý trên các hệ thống phần mềm chuyên ngành; phục vụ cho các hoạt động quản lý, chuyên môn của các phòng ban, đơn vị; được lưu trữ tại CSDL riêng của từng hệ thống do nhà trường quản lý và sử dụng.

Điều 7. Quy định thu thập, quản lý dữ liệu Ngành GDĐT

1. Dữ liệu gốc được thu thập phải đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”.

2. Dữ liệu mang tính “đúng” phải đảm bảo thống nhất với nội dung lưu trữ hồ sơ giấy, hồ sơ điện tử khác mang tính pháp lý đang được lưu trữ tại đơn vị.

3. Dữ liệu mang tính “đủ” phải đảm bảo đầy đủ các trường dữ liệu được quy định tại phụ lục I, phụ lục II, phụ lục III của Quyết định 1230/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Dữ liệu mang tính “sạch” phải đảm bảo 100% định danh cá nhân trên CSDL Ngành GDĐT được xác thực với dữ liệu dân cư quốc gia, không phát sinh dữ liệu rác, dữ liệu trùng lặp.

5. Dữ liệu mang tính “sống” phải đảm bảo được thực hiện theo thời gian thực, khi có bất kỳ phát sinh trong việc thay đổi dữ liệu.

6. Chỉ thực hiện cập nhật trạng thái đối với Dữ liệu gốc, không xóa Dữ liệu gốc và những dữ liệu liên quan đến Dữ liệu gốc.

7. Dữ liệu được thu thập phải phù hợp với các danh mục dùng chung của cơ quan quản lý nhà nước. Hệ thống quản lý CSDL chuyên ngành phải được kết nối và được đồng bộ với CSDL Ngành GDĐT. Dữ liệu chuyên ngành phải được định danh thống nhất bằng Dữ liệu gốc.

Điều 8. Phương thức đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành GDĐT

1. Việc đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành GDĐT được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp dữ liệu Ngành GDĐT.

2. Phương thức đồng bộ, chia sẻ thông qua API và được phân quyền truy vấn bằng chứng thực số (Token) do hệ thống SSO sinh ra sau khi người dùng đăng nhập thành công.

Điều 9. Điều kiện đồng bộ, chia sẻ dữ liệu với CSDL Ngành GDĐT

1. Giải pháp đáp ứng nhu cầu nghiệp vụ của đơn vị, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên hoặc tương đương.

2. Hệ thống kết nối phát sinh thay đổi về thiết kế hệ thống phải được kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin. Việc công nhận cấp độ an toàn thông tin được đánh giá và công nhận bởi các đơn vị, cơ quan có thẩm quyền và không trực thuộc đơn vị triển khai giải pháp.

Điều 10. Quy trình thực hiện đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành GDĐT

1. Các đơn vị cơ sở gửi hồ sơ đề nghị đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành GDĐT với hệ thống thông tin chuyên ngành về Sở GDĐT.

2. Nội dung hồ sơ: thông tin đơn vị cơ sở đăng ký kết nối; tên hệ thống thông tin; thông tin cán bộ phụ trách đồng bộ, chia sẻ dữ liệu; mục đích, phạm vi, nội dung thông tin, số lượng trường thông tin cần chia sẻ; tài liệu mô tả kỹ thuật thành phần hệ thống (nếu có); tài liệu về an toàn an ninh thông tin của hệ thống yêu cầu kết nối; cam kết và chịu trách nhiệm về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu.

3. Việc triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành tại đơn vị và quy trình đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành GDĐT được triển khai và được khai thác khi được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ sở giáo dục quản lý dữ liệu đó.

4. Sở GDĐT cung cấp tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối; điều chỉnh, kiểm thử kỹ thuật dịch vụ đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành GDĐT; cử nhân sự hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện kết nối, khai thác thông tin trong CSDL Ngành GDĐT.

Điều 11. Lưu trữ nhật ký đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành GDĐT

1. Các đơn vị tham gia vào hoạt động đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành GDĐT có trách nhiệm lưu lại nhật ký thực hiện kết nối để phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát.

2. Thời hạn tối thiểu lưu trữ nhật ký đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành GDĐT là 02 năm kể từ thời điểm thực hiện việc kết nối dữ liệu.

Điều 12. Xử lý sự cố, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc về hoạt động thu thập, quản lý, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành

1. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phản ánh sự cố liên quan đến hoạt động thu thập, quản lý, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành về Quản trị viên đơn vị.

2. Đơn vị phản ánh sự cố liên quan đến hoạt động thu thập, quản lý, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu Ngành đến Văn phòng Sở là Thường trực Chuyển đổi số của ngành thông qua email, điện thoại hoặc văn bản.

3. Cơ quan thường trực tiếp nhận thông tin về sự cố phát sinh;

4. Đánh giá mức độ, phạm vi ảnh hưởng của sự cố đến hoạt động của hệ thống thông tin. Tùy theo mức độ, phạm vi ảnh hưởng của sự cố phải báo cáo đến các cấp quản lý tương ứng để chỉ đạo xử lý;

5. Thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục sự cố;

6. Ghi nhận hồ sơ và báo cáo kết quả xử lý sự cố.

Điều 13. Kiểm tra, giám sát quá trình thu thập, quản lý, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu

Hiệu trưởng có trách nhiệm thực hiện kiểm tra hoạt động thu thập, quản lý, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu theo thẩm quyền; hướng dẫn kiểm tra hoạt động thu thập, quản lý, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu tại đơn vị.

Chương IV

QUẢN TRỊ HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 14. Thẩm quyền cấp tài khoản trên cơ sở dữ liệu ngành GDĐT

Đơn vị cấp và quản lý tài khoản sử dụng của cá nhân thuộc đơn vị.

Điều 15. Thủ tục cấp mới, cấp lại tài khoản cá nhân trên cơ sở dữ liệu ngành GDĐT

1. Cá nhân trực thuộc đơn vị gửi yêu cầu cấp mới, cấp lại tài khoản, cấp lại mật khẩu theo quy định cho quản trị viên đơn vị.

2. Cá nhân ngay sau khi nhận được thông báo cấp tài khoản, cấp lại mật khẩu phải thay đổi mật khẩu và thực hiện nhiệm vụ được phân quyền theo quy định tại quy chế này.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 16. Bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Bảo vệ dữ liệu cá nhân là hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm liên quan đến dữ liệu cá nhân tại Phụ lục V; được thực hiện căn cứ trên các quy định của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định khác.

2. Các hành vi bị nghiêm cấm gồm: Xử lý dữ liệu cá nhân trái với quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; Xử lý dữ liệu cá nhân để tạo ra thông tin, dữ liệu

nhằm chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Xử lý dữ liệu cá nhân để tạo ra thông tin, dữ liệu gây ảnh hưởng tới an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác; Cản trở hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan có thẩm quyền; Lợi dụng hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân để vi phạm pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm chung của các bên tham gia

1. Bảo mật thông tin tài khoản kết nối với hệ thống SSO và CSDL Ngành GDĐT: thủ trưởng đơn vị và nhân sự phụ trách chịu trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản của mình, bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu; tuyệt đối không chia sẻ thông tin tài khoản, thực hiện công việc thông qua bên thứ 3; sử dụng mật khẩu mạnh và thay đổi mật khẩu định kỳ để đảm bảo an toàn thông tin.

2. Các bên chỉ được phép truy cập và sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; nghiêm cấm chia sẻ dữ liệu với bên thứ 03 khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép bằng văn bản; hành vi vi phạm quy định về bảo mật dữ liệu được xử lý theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Chịu trách nhiệm về tính pháp lý, an toàn an ninh thông tin, đảm bảo việc vận hành đúng quy định của hệ thống quản trị nhà trường khi triển khai giải pháp tại đơn vị.

2. Đảm bảo các giải pháp triển khai tại đơn vị trường học phải được kết nối với CSDL Ngành GDĐT và đảm bảo đáp ứng các yêu cầu chuyên môn.

3. Chịu trách nhiệm về tính “đúng, đủ, sạch, sống” về dữ liệu của đơn vị.

4. Quản lý các tài khoản CSDL ngành GDĐT trực thuộc đơn vị, đảm bảo thực hiện các quy định về bảo mật tài khoản và chịu trách nhiệm khi xảy ra những vấn đề về an toàn, an ninh thông tin có liên quan đến hoạt động quản lý tài khoản của đơn vị.

5. Ban hành quyết định phân công nhân sự phụ trách CSDL Ngành GDĐT; quyết định bao gồm những nội dung sau: họ tên và vị trí, phạm vi khai thác dữ liệu, trách nhiệm quyền hạn, thời gian hiệu lực. Trường hợp nhân sự chấm dứt làm việc tại đơn vị, nhân sự ký biên bản bàn giao và cam kết bảo mật dữ liệu theo các nội dung phụ trách trong vòng 05 năm theo Luật cán bộ công chức và Luật viên chức; thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thu hồi, bảo mật tài khoản CSDL Ngành GDĐT của đơn vị và bàn giao cho nhân sự phụ trách mới.

6. Nhân sự quản lý tài khoản có liên quan đến việc quản lý, thu thập dữ liệu phải ký cam kết bảo mật dữ liệu, theo Luật viên chức và Luật bảo vệ bí mật nhà nước.

7. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất các cấp có thẩm quyền quyết định xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm.

8. Quyết định khen thưởng theo thẩm quyền, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện quy chế này.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại đơn vị có trách nhiệm thực hiện quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh kịp thời báo cáo Hiệu trưởng để xem xét, đề nghị sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước./.

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THỊ ĐỊNH

